

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/LĐ-ST

Ngày: 15-11-2019

V/v “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân
2. Bà Nguyễn Thị Song Trà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Văn Bim, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-LĐ ngày 10-01-2019 về việc “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2019/QĐXXST - LĐ, ngày 02-10-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Xóm A, thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ B (nay là tổ C), phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 30-7-2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần V;

Địa chỉ trụ sở: Lô D, khu công nghiệp Q, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh B là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị). Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội tỉnh Q

Địa chỉ: Số X đường C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tiêu S là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Giám đốc)

Ông Lê Thành V – chức vụ: Phó trưởng phòng khai thác và thu nợ thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Q là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1545/UQ BHXH ngày 23-10-2019). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-12-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đinh Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04-01-2011 ông Nguyễn Thanh H ký Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Bao bì V, loại hợp đồng không xác định thời hạn, thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Tháng 9 năm 2012 Công ty Cổ phần Bao bì V đổi tên thành Công ty Cổ phần V. Trong quá trình làm việc từ tháng 12 năm 2013, Công ty cổ phần V không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho ông H, mặc dù hàng tháng Công ty vẫn trừ 10,5% tiền lương. Ngày 19 tháng 02 năm 2016 ông H có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động đối với Công ty Cổ phần V. Ngày 20-02-2016 Công ty Cổ phần V ra Quyết định số 27/QĐ – HĐQT về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Thanh H.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-12-2018, nguyên đơn trình bày kể từ khi có quyết định chấm dứt hợp đồng, Công ty Cổ phần V vẫn chưa đóng các loại bảo hiểm tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q cụ thể: Bảo hiểm xã hội là 17.005.806 đồng, bảo hiểm y tế là 347.898 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 364.274 đồng và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là 34.224 đồng. Tổng cộng là 17.752.293 đồng. Yêu cầu Công ty Cổ phần V phải đóng bảo hiểm các khoản trên cho ông H tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q để Bảo hiểm xã hội tỉnh Q chốt sổ và trả sổ bảo hiểm cho ông H giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm cho người lao động, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 26-6-2019, ông Nguyễn Thanh H có Đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần V phải đóng tiền lãi chậm đóng của các khoản bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm lao động, bệnh nghề nghiệp cho ông H số tiền là 6.574.542 đồng.

Sau đó, Công ty Cổ phần V đã trả một khoản tiền để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được trích trừ vào tiền gốc bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định của ngành Bảo hiểm), do vậy Công ty Cổ phần V chỉ còn nợ người lao động hai khoản là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (trước đây là bảo hiểm xã hội nhưng đến tháng 7 năm 2016 tách ra thành bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề

nghiệp). Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền bảo hiểm y tế là 347.898 đồng và bảo hiểm thất nghiệp là 364.274 đồng, chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần V phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Thanh H từ tháng 12 năm 2013 đến ngày 31-10-2019 tổng cộng là 27.178.001 đồng; trong đó nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 02 năm 2016 là 17.040.030 đồng, nợ lãi từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 02 năm 2016 là 1.393.760 đồng, nợ lãi từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 10 năm 2019 là 8.744.211 đồng. Yêu cầu Công ty Cổ phần V đóng lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi Công ty Cổ phần V đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Thanh H để Bảo hiểm xã hội tỉnh Q chốt sổ và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Thanh H.

Bị đơn là Công ty Cổ phần V không có lời trình bày.

Tại văn bản đề ngày 25-10-2019 và tại phiên tòa, ông Lê Thành V là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Q trình bày:

Bảo hiểm xã hội tỉnh Q xác nhận số tiền nợ của người lao động đến ngày 31-10-2019: về tiền gốc bảo hiểm các loại giảm so với thời điểm xác nhận số liệu đến ngày 30-6-2018, khoản lãi tăng do Công ty Cổ phần V tiếp tục nợ từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 10 năm 2019. Lý do là vì Công ty Cổ phần V đã trả một khoản tiền để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được ưu tiên phân bổ vào số tiền nợ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh Q xác nhận số tiền nợ gốc của các lao động mà Công ty Cổ phần V chưa đóng là khoản nợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (trước đây là bảo hiểm xã hội nhưng đến tháng 7 năm 2016 tách ra thành bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp). Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là quỹ thành phần của bảo hiểm xã hội; việc đóng, hưởng quản lý và sử dụng quỹ thực hiện theo quy định của Luật an toàn, vệ sinh lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Đối với trường hợp của ông Nguyễn Thanh H có mã sổ Bảo hiểm xã hội là 5111004364. Bảo hiểm xã hội tỉnh Q xác nhận Công ty Cổ phần V chưa đóng bảo hiểm cho ông Nguyễn Thanh H tổng cộng là 27.178.001 đồng; trong đó nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 02 năm 2016 là 17.040.030 đồng, nợ lãi từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 02 năm 2016 là 1.393.760 đồng, lãi từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 10 năm 2019 là 8.744.211 đồng. Theo qui định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 46 Quyết định số 595/QĐ-BHXXH ngày 14-4-2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì Công ty Cổ phần V phải có trách nhiệm đóng đủ số tiền còn nợ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Thanh H tiền gốc là 17.040.030 đồng, tiền nợ lãi là 10.137.971 đồng (lãi tính đến ngày 31-10-2019) tổng cộng là 27.178.001 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi Công ty Cổ phần V đóng xong các khoản tiền bảo hiểm xã hội cho ông H để Bảo hiểm xã hội xác nhận được sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Thanh H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 32, Điều 35, khoản 4 Điều 91, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 18, 91, 92, 94 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 6, 37, 47, khoản 1 Điều 201, Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012; khoản 1 Điều 41 Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015; khoản 3 Điều 6 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27-11-2015 của Thủ tướng chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; điểm đ khoản 1 Điều 62 Quyết định 1111/QĐ-BHXH ngày 25-10-2011 về ban hành quy định quản lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; khoản 3 Điều 46 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14-4-2017 về ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp, quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 30-02-2016 hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; Điều 12, 14, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông H.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H. Buộc Công ty Cổ phần V phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng đủ số tiền nợ bảo hiểm xã hội tổng cộng là 27.178.001 đồng, trong đó tiền nợ bảo hiểm xã hội gốc là 17.040.030 đồng, tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10 năm 2019 là 10.137.971 đồng cho ông Nguyễn Thanh H, tính lãi phát sinh trên số tiền gốc bảo hiểm xã hội chậm đóng theo quy định của bảo hiểm xã hội cho đến khi trả xong.

- Về phần án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn là Công ty Cổ phần V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Công ty Cổ phần V ủy quyền cho ông Trần Văn P (không phải là thành viên công ty) tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại Điều 47 của Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần V quy định: “Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện Công ty trước pháp luật và được ủy quyền cho Giám đốc điều hành trong giai đoạn tranh tụng”. Do đó, việc ủy quyền nêu trên là không hợp lệ nên không được Tòa án chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Cổ phần V phải đóng bảo hiểm y tế là 347.898 đồng và bảo hiểm thất nghiệp là 364.274 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1] Công ty Cổ phần V, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thanh B, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng ông Lê Thanh B không đến Tòa án làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H buộc bị đơn là Công ty Cổ phần V phải đóng tiền nợ bảo hiểm xã hội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn đã ký giữa ông Nguyễn Thanh H và Công ty Cổ phần Bao bì V ngày 04-01-2011 thì ông Nguyễn Thanh H là công nhân kéo sợi tại Công ty Cổ phần Bao bì V. Quyền lợi được hưởng, tiền lương khoán sản phẩm, phụ cấp các bên có trách nhiệm trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành. Hai bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng qui định của pháp luật, do đó Hợp đồng lao động lập ngày 04-01-2011 giữa ông Nguyễn Thanh H và Công ty cổ phần Bao bì V có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng ông H đã thực hiện công việc tại Công ty cổ phần Bao bì V (sau đổi tên thành Công ty Cổ phần V) theo đúng nội dung hợp đồng đã ký đến ngày 20-02-2016 Công ty Cổ phần V ban hành Quyết định số: 27/QĐ-HĐQT về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Thanh H kể từ ngày 22-02-2016 với lý do ông H có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động.

Ông Nguyễn Thanh H có mã số Bảo hiểm xã hội là 5111004364. Công ty Cổ phần V đã đăng ký khai đóng bảo hiểm cho ông H tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q và đã trích thu nhập hàng tháng của ông H nhưng không đóng đầy đủ, đúng quy định các loại bảo hiểm bắt buộc cho ông H là không làm đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động được quy định tại Điều 18 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 và là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 14, Điều 134 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006. Yêu cầu khởi kiện của ông H buộc Công ty Cổ phần V là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty Cổ phần V phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Thanh H từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 02 năm 2016 là 17.040.030 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty Cổ phần V phải đóng số tiền lãi do chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào khoản 3 Điều 138 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03-02-2016 của Bộ tài chính và Công văn số 1379/BHXXH-BT ngày 21-4-2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định những trường hợp chậm đóng Bảo hiểm xã hội phải được tính lãi suất. Do Công ty Cổ phần V chậm đóng các loại bảo hiểm xã hội cho ông H nên Công ty Cổ phần V phải chịu lãi suất chậm đóng được tính đến ngày 31-10-2019. Cụ thể nợ lãi từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 02 năm 2016 là 1.393.760 đồng, nợ lãi từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 10 năm 2019 là 8.744.211 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi Công ty Cổ phần V đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Thanh H để Bảo hiểm xã hội tỉnh Q chốt sổ và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Thanh H là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 815.000 đồng (27.178.001 đồng x 3%) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động. Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, 37, 47, khoản 1 Điều 201, Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012; Điều 14, 15, 18, 91, 92, 94, khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Điều 5

Thông tư số 20/2016/TT – BTC ngày 03-02-2016 của Bộ tài chính và Công văn số 1379/BHXXH – BT ngày 21-4-2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H: Buộc Công ty Cổ phần V có nghĩa vụ phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Thanh H tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q số tiền gốc là 17.040.030 đồng và tiền lãi là 10.137.971 đồng, tổng cộng là 27.178.001 đồng. Công ty Cổ phần V còn phải đóng tiền lãi phát sinh kể từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi đóng xong tiền nợ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Thanh H theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần V phải đóng tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Thanh H.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần V phải chịu 815.000đ (Tám trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa